

## THỰC TRẠNG THAM GIA ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CỦA CÁN BỘ Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN THỐNG NHẤT, GIAI ĐOẠN 2021-2022

Nguyễn Thị Tiến\*, Hứa Thanh Thủy\*\*, Võ Thành Toàn\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng tham gia đào tạo liên tục (ĐTLT) của cán bộ y tế (CBYT) tại Bệnh viện Thống Nhất năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 581 CBYT; thu thập những báo cáo về ĐTLT tại bệnh viện giai đoạn 2021-2022 từ tháng 4-6/2023. Phương pháp thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi và biểu mẫu thu thập số liệu thứ cấp. **Kết quả:** Tỷ lệ CBYT tham gia ĐTLT năm 2021 - 2022, lần lượt là 75,0%, 95,4%. Tỷ lệ CBYT tham gia đủ 48 tiết trong 2 năm giai đoạn 2021-2022 là 63,0%. Trên 80% CBYT đánh giá tốt về cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy. Hình thức tham gia chủ yếu là các lớp tập huấn, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật. 77,1% CBYT cho thấy ĐTLT phù hợp với nhu cầu công việc, 73,8% CBYT sau khi tham gia ĐTLT có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào công việc và 79,8% CBYT tự tin thực hành sau đào tạo. **Kết luận:** Tỷ lệ CBYT tham gia ĐTLT tại bệnh viện đạt mức khá tốt.

**Từ khóa:** Đào tạo liên tục, Bệnh viện Thống Nhất

### SUMMARY

#### THE SITUATION OF CONTINUING EDUCATION PARTICIPATION OF HEALTH STAFF AT THONG NHAT HOSPITAL, PERIOD 2021-2022

**Objective:** To describe the status of participation in continuing education (CE) of health workers (HWs) at Thống Nhất Hospital in 2023 Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study on 581 HWs; collected reports on CE at the hospital in the period 2021-2022 from April to June 2023. Data collection methods were questionnaires and secondary data collection forms. **Results:** The proportion of HWs participating in CE in 2021 - 2022 were 75.0%, 95.4%, respectively. The proportion of HWs participating in enough 48 hours in 2 years of the period 2021-2022 was 63.0%. Over 80% of HWs rated well on facilities, teaching materials. The main form of participation was training courses, technical transfer. 77,1% of HWs said that CE was suitable for their work needs, 73,8% of HWs could apply the knowledge and skills to their work after participating in CE and 79,% of HWs were confident in practicing after training. **Conclusion:** The proportion of HWs participating in CE at the hospital was good. **Keywords:** Continuing education, Thống Nhất Hospital

\*Bệnh viện Thống Nhất Thành phố Hồ Chí Minh

\*\*Đại học Y tế Công Cộng

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Tiến

Email: nguyenthientien1979@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.10.2023

Ngày duyệt bài: 9.11.2023

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành thông tư 22/2013/TT-BYT, Thông tư 26/TT-BYT về hướng dẫn ĐTLT cho CBYT [8], [1]. Theo đó, Thông tư này quy định rõ cán bộ y tế (CBYT) đã được cấp chứng chỉ hành nghề và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có nghĩa vụ tham gia ĐTLT tối thiểu 48 tiết học trong 2 năm liên tiếp [8]. Bên cạnh đó, theo Luật khám, chữa bệnh cũng quy định người hành nghề y không cập nhật kiến thức y khoa trong 02 năm liên tiếp sẽ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề [3]. Bệnh viện Thống Nhất là một trong những bệnh viện đa khoa loại I, trực thuộc Bộ Y tế. Với đội ngũ 1.283 CBYT chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm phục vụ khoảng 1200 người bệnh nội trú và trên 3.000 lượt người bệnh khám ngoại trú trong ngày [2]. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh tại bệnh viện là 951 chiếm hơn 2/3 nhân lực bệnh viện. Hàng năm đội ngũ CBYT tại Bệnh viện đều được cử đi tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nhưng các CBYT cũng chưa thực sự chú trọng đến hoạt động này, việc tham gia ĐTLT còn theo kiểu đối phó, chưa chủ động [2]. Cho đến nay, chưa có nghiên cứu nào đánh giá về ĐTLT của CBYT bệnh viện có hay không đáp ứng yêu cầu của Bộ Y tế và có thực sự hữu ích với công việc hiện tại của CBYT. Để trả lời câu hỏi thực trạng ĐTLT của các CBYT tại bệnh viện như thế nào? Chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Thực trạng đào tạo liên tục của cán bộ y tế tại Bệnh viện Thống Nhất, giai đoạn 2021-2022" để nhằm đánh giá khách quan, tìm hiểu sâu về những vấn đề liên quan, cung cấp thông tin góp phần xây dựng kế hoạch và kiểm soát chất lượng đào tạo liên tục cho CBYT tại bệnh viện.

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:**

Nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Thống Nhất, từ tháng 06-10/2023

**Đối tượng nghiên cứu**

- Cán bộ y tế là bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên đang làm việc tại bệnh viện.

- Số liệu thứ cấp: Báo cáo, kế hoạch, số liệu tổng hợp về công tác ĐTLT năm 2021 đến năm 2022.

**Tiêu chuẩn lựa chọn:** CBYT làm việc tại bệnh viện tối thiểu 03 năm tính đến tháng 12/2022.

**Tiêu chuẩn loại trừ:** đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu; NVYT đang đi học, nghỉ thai sản, ốm.

**Cỡ mẫu, chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ tất cả CBYT các khoa lâm sàng bao gồm Bác sĩ, Điều dưỡng, kỹ thuật viên và Hộ sinh đang làm việc tại Bệnh viện Thống Nhất trong thời gian thực hiện nghiên cứu theo tiêu chuẩn chọn mẫu. Cỡ mẫu là 581 CBYT.

**Biến số nghiên cứu**

- Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu : Tuổi, giới, chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, chứng chỉ hành nghề.

- Các biến về thực trạng ĐTLT giai đoạn 2021-2022: Tỷ lệ cán bộ y tế đào tạo liên tục đáp ứng Thông tư 22; Số lượng khóa ĐTLT, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, phương pháp đào tạo, địa điểm đào tạo; số chứng chỉ/chứng nhận được cấp, chủ đề khóa ĐTLT, nhận xét khóa học, kiến thức về Thông tư 22/2013/TT-BYT.

**Công cụ và phương pháp thu thập số liệu.** Điều tra viên sử dụng bộ câu hỏi, phiếu thu thập thông tin đã được thiết kế sẵn trên cơ sở nghiên cứu Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013; Thông tư 26/TT-BYT ngày 28/12/2020 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế [1, 8].

**Phương pháp phân tích số liệu.** Nhập liệu bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Số liệu thứ cấp được rà soát, chọn lọc, nhập vào máy tính và thống kê bằng phần mềm Excel.

Đáp ứng đào tạo liên tục theo Thông tư 22/2013/TT-BYT: đủ từ 48 giờ trở lên trong 2 năm 2021- 2022.

**Đạo đức trong nghiên cứu.** Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức của Trường Đại học Y tế công cộng thông qua theo Quyết định số 307/2023/YTCC-HĐ3 ngày 01/06/2023.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Thông tin chung về cán bộ y tế**

**Bảng 3.2. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n=581)**

Các đặc điểm		Tần số (N)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	138	23,8
	Nữ	443	76,2
Tuổi (Trung bình 37 ± 8 tuổi)	22- 30 tuổi	111	19,1
	31-40 tuổi	293	50,4
	41-50 tuổi	138	23,8
	Trên 50 -60 tuổi	39	6,7

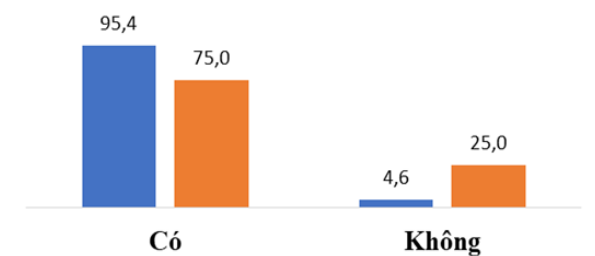
Dân tộc	Kinh	573	98,6
	Khác	8	1,4
Chức danh nghề nghiệp	Bác sĩ	121	20,8
	Điều dưỡng	422	72,6
	Kỹ thuật viên	38	6,6
Trình độ chuyên môn	Sau đại học	55	9,5
	Đại học	381	65,6
	Cao đẳng	124	21,3
	Trung cấp	21	3,6
Thời gian làm việc trung bình tại BV (năm) (Trung bình 12 ± 7 tuổi)	Dưới 5 năm	91	15,7
	Từ 5 năm trở lên	490	84,3
Chứng chỉ hành nghề	Có	559	96,2
	Không	22	3,8

Nghiên cứu thực hiện trên 581 NVYT trong đó nhóm tuổi chủ yếu là từ 31-50 tuổi chiếm 74,2%, độ tuổi trung bình là 37± 8 tuổi. NVYT là nữ giới nhiều gấp 2 lần nam giới chiếm 76,2%, 79,2% NVYT là điều dưỡng/ kỹ thuật viên. Có 84,3% NVYT đã làm việc từ 5 năm trở lên, đa số có trình độ đại học chiếm 65,6%.

**3.2. Thực trạng đào tạo liên tục của CBYT tại Bệnh viện Thống Nhất giai đoạn 2021-2022**

Tỷ lệ CBYT tham gia ĐTLT

■ Năm 2022 ■ Năm 2021



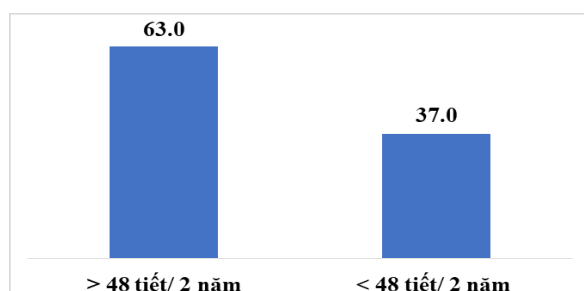
**Biểu đồ 3.2. Phân bố tỷ lệ tham gia đào tạo liên tục của cán bộ y tế giai đoạn 2021-2022**

Tỷ lệ CBYT tham gia ĐTLT năm 2021 thấp hơn so với năm 2022, lần lượt là 75,0%, 95,4%.

**Bảng 3.2. Thông tin về tổng số khóa ĐTLT giai đoạn 2021-2022**

Nội dung cụ thể	Năm 2021		Năm 2022		
	n	%	n	%	
Số khóa ĐTLT đã tham gia	Tại bệnh viện	40	71,4	62	80,5
	Ngoài bệnh viện	16	28,6	15	19,5
<b>Tổng</b>	<b>56</b>	<b>100</b>	<b>77</b>	<b>100</b>	

Tổng số khóa ĐTLT theo thống kê năm 2021 là 56 khóa trong đó có 71,4% là đào tạo tại bệnh viện. Năm 2022 có 77 khoá ĐTLT trong đó có 80,5% là được tổ chức thực hiện tại bệnh viện.



**Biểu đồ 3.3.** Tỷ lệ cán bộ y tế đáp ứng đủ số tiết đào tạo liên tục trong 2 năm liên tục 2021-2022 theo Thông tư 22/2013/TT-BYT

Tỷ lệ CBYT tham gia đủ 48 tiết trong 2 năm giai đoạn 2021-2022 là 63,0%, tỷ lệ CBYT không đủ số tiết ĐTLT theo quy định là 37,0%.

**Bảng 3.3:** Các nội dung đào tạo liên tục giai đoạn 2021-2022

Chủ đề ĐTLT	Năm 2021		Năm 2022	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Kỹ năng cơ bản chung	12	21,4	19	24,7
Kỹ năng chuyên sâu Ngoại khoa	13	23,2	6	7,8
Kỹ năng chuyên sâu Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	18	32,1	21	27,3
Kỹ năng giao tiếp	2	3,6	5	6,5
Kiểm soát nhiễm khuẩn	05	8,9	7	9,1
Khác	06	10,7	19	24,7
<b>Tổng</b>	<b>56</b>	<b>100</b>	<b>77</b>	<b>100</b>

Các nội dung ĐTLT trong giai đoạn 2021-2022 tỷ lệ đào tạo các lớp chuyên ngành Nội khoa, Hồi sức cấp cứu cao nhất giao động từ 27,3% - 32,1%, tiếp theo là các lớp về chủ đề cơ bản chung khoảng 24,0% và các lớp về kỹ năng giao tiếp là thấp nhất khoảng 6,0%.

**Bảng 3.4:** Thực trạng đánh giá của CBYT về tính phù hợp và mức độ tự tin sau khi tham gia đào tạo liên tục

Biến số	Tần số (N= 554)	Tỷ lệ (%)
<b>Mức độ tham gia các lớp ĐTLT</b>		
Đầy đủ	486	87,7
Chưa đầy đủ	68	12,3
<b>Thời gian ĐTLT theo khóa học</b>		
Phù hợp	480	86,7
Bình thường	67	12,1
Không phù hợp	7	1,3
<b>Đánh giá về giảng viên các khóa ĐTLT</b>		
Tốt	371	67,0
Bình thường	139	25,1
Không tốt	44	7,9

<b>Cơ sở vật chất nơi tổ chức ĐTLT</b>		
Đầy đủ, phù hợp	493	89,0
Đầy đủ nhưng chưa phù hợp	56	10,1
Không đầy đủ, chưa phù hợp	5	0,9
<b>Tài liệu giảng dạy</b>		
Phù hợp	550	99,3
Không phù hợp	4	0,7

Tỷ lệ CBYT tham gia đầy đủ các lớp ĐTLT đạt 87,7%, có 86,7% CBYT cho thấy rằng thời gian ĐTLT các lớp là phù hợp. Tỷ lệ đánh giá về giảng viên có 67,0% CBYT cho rằng tốt 25,1% cho rằng bình thường và 7,9% đánh giá giảng viên chưa tốt. Về cơ sở vật chất có 89,0% cho biết phù hợp và đầy đủ và 99,3% CBYT đánh giá tài liệu giảng dạy cho các lớp ĐTLT là phù hợp.

**Bảng 3.5:** Thực trạng đánh giá của CBYT về tính phù hợp và mức độ tự tin sau khi tham gia ĐTLT

Biến số	Tần số (N= 554)	Tỷ lệ (%)
<b>Nội dung phù hợp với tính chất công việc</b>		
Phù hợp	427	77,1
Không phù hợp	127	22,9
<b>Áp dụng được kiến thức, kỹ năng vào công việc</b>		
Có	409	73,8
Không	145	26,2
<b>Mức độ tự tin thực hành sau đào tạo</b>		
Tự tin	442	79,8
Không tự tin	115	20,2

Tỷ lệ CBYT cho thấy ĐTLT phù hợp với tính chất công việc/ nhu cầu công việc là 77,1%. Có 73,8% CBYT sau khi tham gia ĐTLT có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào công việc. Tỷ lệ CBYT tự tin thực hành sau đào tạo là 79,8%.

#### IV. BÀN LUẬN

Tỷ lệ tham gia ĐTLT của CBYT có xu hướng gia tăng đáng kể từ 75,0% vào năm 2021 lên 95,4% vào năm 2022. Thấp hơn nghiên cứu của tác giả Lâm Văn Minh (2021) cho biết thì 100% các điều dưỡng được tham gia ĐTLT trong các năm 2019, 2020 [6]. Sự khác biệt này do sự khác nhau về đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu.

Tổ chức ĐTLT trong bệnh viện, thống kê cho thấy rằng tổ chức ĐTLT tại bệnh viện đã tăng lên từ 71,4% vào năm 2021 lên 80,5% vào năm 2022. Cao hơn nghiên cứu của tác giả Tong Li (2019) là 34,5% [5], Lâm Văn Minh (2021) giao động từ 65,5% - 83,3% [6]. Điều này có thể cho thấy sự nỗ lực của bệnh viện trong việc tạo điều kiện thuận lợi để CBYT tham gia các chương

trình ĐTLT.

Tỷ lệ CBYT tham gia đủ 48 tiết ĐTLT trong 2 năm giai đoạn 2021-2022 là 63,0%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với các nghiên cứu trước đây như nghiên cứu của tác giả Lưu Thị Nguyệt Minh (2017) tại Bệnh viện Tai Mũi Họng trung ương và Lâm Văn Minh (2021) tại Bệnh viện Chợ Rẫy cho thấy tỉ lệ tham gia đủ số tiết ĐTLT cho CBYT theo đúng quy định 48 giờ trong 2 năm liên tục giao động từ 25% - 26,4% [6, 7]. Cần quản lý và theo dõi tổ chức ĐTLT để đảm bảo rằng CBYT có đủ số tiết ĐTLT để đáp ứng các yêu cầu pháp lý và cải thiện nghiệp vụ của CBYT.

Điều này được thể hiện qua tỷ lệ CBYT cho rằng nội dung ĐTLT khá phù hợp với nhu cầu công việc là 77,1%. Kết quả thấp hơn với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Diệp (2019) cho thấy có 98% NVYT cho rằng những kiến thức ĐTLT phù hợp với công việc hiện tại [4]. Nhìn chung, hình thức ĐTLT tại bệnh viện Thống Nhất đã phần nào đáp ứng được nhu cầu và khả năng của CBYT.

## V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ CBYT tham gia ĐTLT năm 2021 - 2022, lần lượt là 75,0%, 95,4%. Tỷ lệ CBYT tham gia đủ 48 tiết trong 2 năm giai đoạn 2021-2022 là 63,0%. Trên 80% CBYT đánh giá tốt về cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy. 77,1% CBYT cho thấy ĐTLT phù hợp với nhu cầu công việc, 73,8% CBYT sau khi tham gia ĐTLT có thể áp

dụng các kiến thức, kỹ năng vào công việc và 79,8% CBYT tự tin thực hành sau đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (2020)**, Thông tư 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Hà Nội.
- Bệnh viện Thống Nhất (2022)**, Báo cáo tổng kết công tác khám, chữa bệnh năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, Hồ Chí Minh.
- Chính phủ (2009)**, Luật khám, chữa bệnh.
- Nguyễn Ngọc Diệp (2019)**, "Thực trạng công tác đào tạo y khoa liên tục cho cán bộ y tế và một số yếu tố ảnh hưởng tại bệnh viện Chợ Rẫy - Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2018", Luận văn Thạc sĩ. Trường đại học Y tế công cộng Hà Nội.
- Tong Li (2020)**, "A Survey on the Continuing Education Status and Demand of Nurses in Chongqing Grass-Root Medical Institutions", Open Journal of Nursing. 10, pg. 155-170.
- Lâm Văn Minh (2021)**, Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến Đào tạo liên tục cho Điều dưỡng khoa Khám bệnh, Bệnh viện Chợ Rẫy - Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2019-2020, Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội.
- Lưu Thị Nguyệt Minh (2017)**, "Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục cho điều dưỡng các khoa lâm sàng tại bệnh viện Tai mũi họng Trung ương giai đoạn 2014 - 2016", Luận văn thạc sĩ quản lý bệnh viện. Trường đại học y tế công cộng. Hà Nội.
- Bộ Y tế (2013)**, "Thông tư 22/2013/TT-BYT, Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế", Hà Nội

## KHẢO SÁT SỰ XÂM LẤN CỦA UNG THƯ THANH QUẢN VÀO KHOANG CẠNH THANH MÔN VÀ KHOANG TRƯỚC THANH THIỆT TRÊN MRI TẠI BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Trần Anh Bích, Nguyễn Phi Anh Tuấn (\*)

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Khảo sát sự xâm lấn của ung thư vào khoang cạnh thanh môn và khoang trước thanh thiệt là một trong những yếu tố quan trọng trong chẩn đoán giai đoạn và lập kế hoạch điều trị trong ung thư thanh quản. Chụp cộng hưởng từ (MRI) cho phép khảo sát những cấu trúc đó và vì vậy là một trong những công cụ hình ảnh quan trọng trong quyết định lựa chọn điều trị. Biết được độ chính xác của MRI

trong xác định u xâm lấn khoang cạnh thanh môn và khoang trước thanh thiệt giúp các bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng có công cụ phù hợp để hướng tới chẩn đoán và chiến lược điều trị hợp lý. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá độ chính xác của cộng hưởng từ (MRI) trong đánh giá xâm lấn của u vào khoang trước thanh thiệt và khoang cạnh thanh môn ở những bệnh nhân có ung thư biểu mô thanh quản. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế: Tiến cứu mô tả hàng loạt ca. Nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện Chợ Rẫy từ 07/2021 đến 07/2022. 32 bệnh nhân (97% là nam), tuổi trung bình là 64.28 ± 7.54 tuổi (49 - 87 tuổi) được chụp MRI cổ và được xác nhận chẩn đoán ung thư biểu mô tế bào gai thanh quản qua giải phẫu bệnh. Đánh giá hình ảnh MRI để tìm sự hiện diện của u xâm lấn vào khoang cạnh thanh môn và khoang trước thanh thiệt và được so sánh với kết quả

\*Bệnh viện Chợ Rẫy

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Phi Anh Tuấn

Email: npatuan.nt.tmh.19@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.10.2023

Ngày duyệt bài: 10.11.2023